

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/ HNGĐ- ST

Ngày 07/11/2018

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phương Quốc Luyện

2. Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại Nhà văn hóa khu dân cư B- T, phường C, thị xã C, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1992

Nơi ĐKKHKT: Số nhà 7, ngõ 2, khu dân cư T 3, phường S, thị xã C, tỉnh H; Nơi ở hiện nay: Số nhà 28, ngõ 137, phường Đ, quận N, thành phố H; Nơi làm việc: Công ty TNHH C. Địa chỉ: Số 30, ngõ 2, phố N, phường T, quận C, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Công P, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 7, ngõ 2, khu dân cư T 3, phường S, thị xã C, tỉnh H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Chị M và anh P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/5/2012 tại UBND phường S, thị xã C. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Chị M cho rằng anh P mãi chơi lô đề, cờ bạc gây nợ nần nhiều, thường xuyên chơi bờ qua đêm. Chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng anh P không sửa đổi mà còn nhiều lần to tiếng, đuổi chị ra khỏi nhà. Từ tháng 6 năm 2017 chị đã bỏ về H tìm việc làm và sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó. Chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và cương quyết xin ly hôn anh P. Anh P thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2017. Nguyên nhân do chị M chăm sóc con không được chu đáo, vợ chồng có xảy ra tranh luận và lúc nóng giận anh có tát chị M. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị M tự ý bỏ đi khỏi nhà anh. Anh chị đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Ban đầu, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh không còn biện pháp nào níu kéo tình cảm vợ chồng nên đã đồng ý ly hôn. Sau đó, anh lại không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị M.

Về con chung: Chị M và anh P có một con chung là Phạm Công Tuấn N, sinh ngày 17/5/2016. Khi ly hôn, cả hai anh chị đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia phải cấp dưỡng nuôi con chung. Theo chị M, cháu N còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Thêm nữa, sau khi sinh con, chị M bị nhiễm trùng ổ dịch, phải mổ phẫu thuật nhiều lần nên rất khó khăn cho việc sinh con sau này. Anh P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, vì gia đình chị M có lối sống không lành mạnh, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của cháu N. Nếu cháu N ở cùng anh thì anh còn có sự hỗ trợ của mẹ anh để chăm sóc con chung.

Về tài sản: Chị M và anh P xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị M giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, anh Phòng giữ nguyên yêu cầu xin đoàn tụ, không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ và mong muốn có thêm thời gian để níu kéo cuộc sống chung. Về con chung: Chị M và anh P cùng đề nghị được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu bên kia cấp dưỡng. Về tài sản, nợ: Chị M và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 88; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Phạm Công P. Về quan hệ con chung: Giao cháu Phạm Công Tuấn N sinh ngày 17/5/2016 cho chị M trực tiếp

nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lê Thị M khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Phạm Công P có địa chỉ cư trú tại phường S, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Phạm Công P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 23/5/2012 tại UBND phường S, thị xã C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, nghi ngờ và không còn quan tâm gì đến nhau từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Lý do anh P không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị M. Khi Tòa án tiến hành hòa giải, anh P có tham gia nhưng tự ý bỏ về, không ký kết các biên bản nhằm gây khó khăn cho chị M. Bản thân anh P thừa nhận vợ chồng có xảy ra cãi cọ, nghi ngờ tình cảm của nhau. Đến nay, anh cũng không có biện pháp nào để níu kéo tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận theo yêu cầu của chị M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Yêu cầu nuôi con chung của chị M và anh P là yêu cầu chính đáng. Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Chị M và anh P đều có công việc, làm việc theo giờ hành chính, có thu nhập ổn định. Tuy nhiên, hiện tại cháu N còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc của mẹ. Do vậy, cần giao cháu N cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị, đảm bảo quyền lợi của con và phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị M và anh P không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị M là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị M:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị M ly hôn anh Phạm Công P.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Phạm Công Tuấn N sinh ngày 17/5/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản, nợ: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đồng chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000968 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh H.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã C;
- UBND phường , thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hương